

Số: 3541 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho một số hộ dân và bổ sung giá trị hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 4 - Khu B)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá đất các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, GPMB dự án Khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để phục vụ bồi thường, GPMB dự án Khu Công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Theo Thông báo số 212/TB-UBND ngày 11/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về ý kiến kết luận tại cuộc họp nghe Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh báo cáo một số vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB các dự án thuộc Khu Trung tâm Sáng tạo Quy Nhơn;

Xét đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 205/TTr-HDBT ngày 18/9/2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 831/TTr-STNMT ngày 27/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho một số hộ dân và bổ sung giá trị hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 4 - Khu B), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **4.915.345.986 đồng** (*Bốn tỷ, chín trăm mười lăm triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*), trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 4.809.536.190 đồng

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 96.190.724 đồng

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 9.619.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 6.733.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 9.619.072 đồng.

(Kinh phí dự phòng này nếu không sử dụng thì thực hiện hoàn trả lại ngân sách theo quy định).

- Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư

- Thu hồi 02 lô đất đã giao cho hộ Ông Đào Văn Tuyến, Vợ Phạm Thị Hồng (tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh) với tổng diện tích thu hồi là 321,2 m², tổng số tiền sử dụng đất là 632.311.000 đồng.

(Chi tiết như phụ lục 2 kèm theo Quyết định này)

- Giao lại 05 lô đất cho 04 hộ dân (trong đó, giao mới cho 03 hộ dân và điều chỉnh phương án giao đất tái định cư của hộ Ông Đào Văn Tuyến, Vợ Phạm Thị Hồng) với tổng diện tích là 630 m² và tổng số tiền sử dụng đất các hộ dân phải nộp là 1.260.675.000 đồng.

(Chi tiết như phụ lục 3 kèm theo Quyết định này)

Điều 2.

1. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất tạm ứng ngân sách tỉnh để kịp thời chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB dự án nêu trên.

Điều 3.

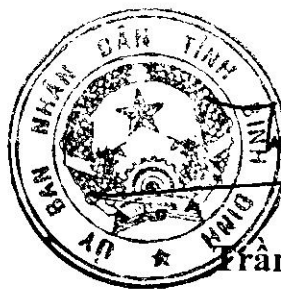
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Trg*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP QT;
- Lưu: VT, K7, K16. *Bil*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ THIẾT HẠ VẬT DẤT ĐAI, VẬT KIẾN TRÚC, CÂY CỎI CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MỚI CỦA CÔNG TY TMA SOLUTIONS TẠI KHU VỰC 2, PHƯỜNG GHÉNH RĂNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 4 - KHU B)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Tổng	Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất ở	Đất nông nghiệp khác	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Thương đầy nhanh tiến độ GPMB	Tổng
1	Trình Văn Nhân	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	858.2	0.00	0.00	858.2	95,260,200	20,685,820	30,847,000	0	190,520,400	0	0	0	337,313,420
2	Võ Lành	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	2,886.8	0.00	0.00	2,886.8	320,434,800	0	119,921,000	10,350,000	640,869,600	0	0	0	1,091,575,400
3	Võ Thanh Tùng, vợ Phan Đình Ai Diệp	KV9, P. Ngô Mỹ, TP Quy Nhơn	60.0	0.00	60.00	0.0	17,760,000	0	3,430,000	0	0	0	0	0	21,190,000
4	Nguyễn Văn Dũng	39 Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn	523.7	0.00	0.00	523.7	58,130,700	0	1,240,000	0	0	0	0	0	59,370,700
5	Phạm Văn Vu, Nguyễn Văn Sâm	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	358.9	0.00	0.00	358.9	39,837,900	52,736,952	14,877,000	6,210,000	79,675,800	0	0	0	193,337,652
6	Trình Thị Ngọc Quyên	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	631.0	0.00	0.00	631.0	70,041,000	154,136,687	30,864,600	16,560,000	140,082,000	0	10,000,000	5,000,000	426,684,287
7	Nguyễn Văn Tường, vợ Nguyễn Thị Vân	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	301.5	0.00	301.50	0.0	89,244,000	217,755,566	6,711,000	0	0	500,000	10,000,000	5,000,000	329,210,566
8	Nguyễn Thị Lê Vương	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	734.3	0.00	0.00	734.3	81,507,300	258,984,760	51,891,000	0	0	0	10,000,000	5,000,000	407,383,060
9	Nguyễn Dương Đức Thanh, vợ Võ Thị Kim Oanh	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	509.6	0.00	0.00	509.6	56,565,600	98,336,585	36,351,400	0	0	500,000	10,000,000	5,000,000	206,753,585
10	Đào Thị Hồng Bân, chồng Lê Đình Thương	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	139.9	0.0	139.9	0.0	41,410,400	131,604,715	5,810,000	12,420,000	31,057,800	500,000	10,000,000	5,000,000	237,802,915
11	Đào Thị Hồng Bông	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	147.0	0.0	147.0	0.0	43,512,000	195,850,512	23,850,000	24,840,000	32,634,000	500,000	10,000,000	5,000,000	336,186,512

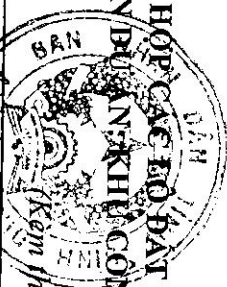
STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							Thưởng đầy nhanh tiền độ GPMB	Tổng
			Tổng	Đất ở	Đất vườn trong cùng thửa đất ở	Đất nông nghiệp khác	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở		
12	Trình Thị Hoa, chồng Trần Thủy Hoàng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	261.3	0.0	0.0	261.3	29,004,300	135,450,701	3,950,000	33,120,000	58,008,600	500,000	10,000,000	5,000,000	275,033,601
13	Đào Thị Nhan	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	218.1	0.0	218.1	0.0	64,557,600	118,113,193	4,322,000	16,560,000	48,418,200	0	10,000,000	5,000,000	266,970,993
14	Trình Văn Nhãn, con Trình Thị Bích Phượng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	244.7	0.00	0.00	244.7	27,161,700	0	9,080,000	8,280,000	54,323,400	0	0	5,000,000	103,845,100
15	Trình Văn Tốt, con Trình Thị Ngọc Quyết	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	307.8	0.00	0.00	307.8	34,165,800	0	23,760,000	12,420,000	68,331,600	0	0	5,000,000	143,677,400
16	Trình Văn Tốt, con Trình Thị Ngọc Quế	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	302.8	0.00	0.00	302.8	33,610,800	0	30,521,000	0	67,221,600	0	0	5,000,000	136,353,400
17	Trần Phước Tôn	P. Quang Trung, TP Quy Nhơn	690.6	0.00	690.60	0.0	204,417,600	0	10,870,000	0	0	0	0	5,000,000	220,287,600
18	Lê Thanh Tân, vợ Nguyễn Thị Sen	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn					0	0	0	16,560,000	0	0	0	0	16,560,000
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		9,176.2	0.0	1,557.1	7,619.1	1,306,621,700	1,383,655,490	408,296,000	157,320,000	1,411,143,000	2,500,000	80,000,000	60,000,000	4,809,536,190
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (A x 2%)														96,190,724
C	Kinh phí dự phòng cường chế thu hồi đất (B x 10%)														9,619,072
D	Tổng cộng (A+B+C)														4,915,345,986

11

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP CÁC TỜ ĐẤT THU HỒI DO ĐIỀU CHỈNH GIAO ĐẤT TÀI ĐỊNH CƯ CHO 01 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CỦA CÔNG TY TMA SOLUTIONS TẠI KHU VỰC 2, PHƯỜNG GHỀNH RĂNG,

THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 4 - KHU B)

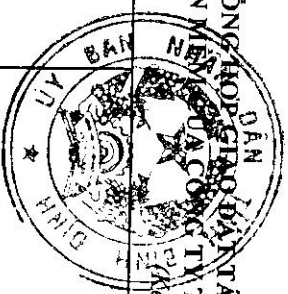


(Kèm theo Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất tái định cư được giao tại khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế gặp gỡ khoa học đa ngành					Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Khu	Đường	Lộ giới	Diện tích (m ²)		
1	Đào Văn Tuyên, vợ Phạm Thị Hồng	KV2, P. Ghềnh Răng, TP. Quy Nhơn	50 (lô góc)	A2	Số 6	15,5m	101.2	230,736,000	Quyết định giao đất số 1390/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh
			48d	A2	D1	12m	220.0	401,575,000	
Tổng cộng (I+II)							321.2	632,311,000	

[Handwritten signature]

Phụ lục 3
BẢNG TỔNG HỢP GIAO DẪN TÀI ĐỊNH CƯ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHỆ
PHÂN MỀM QUANG CÔNG TỶ TMA SOLUTIONS TẠI KHU VỰC 2, PHƯỜNG GHỀNH RÀNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 4 - KHU B)
(Kèm theo Quyết định số 3544 /QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi (m ²)	Lô đất tái định cư được giao tại khu TĐC phục vụ dự án Trung tâm Quốc tế gặp gỡ khoa học đa ngành					Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	
						Lô số	Khu	Đườn g	Lô giới	Diện tích (m ²)						
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)x(7)+(8)x(9)	
1	Đào Thị Hồng Bân, chồng Lê Đình Thương	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	139.90	0.00	139.90	45dc	A2	D1	12m	100.70	0.00	1,500,000	100.70	2,000,000	201,400,000	
2	Đào Thị Hồng Bông	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	147.00	0.00	147.00	48dc1	A2	D1	12m	102.00	0.00	1,500,000	102.00	2,000,000	204,000,000	
3	Trình Thị Hoa, chồng Trần Thủy Hoàng	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	261.30	0.00	261.30	48dc2	A2	D1	12m	118.00	0.00	1,500,000	118.00	2,000,000	236,000,000	
4	Đào Văn Tuyển, vợ Phạm Thị Hồng	KV2, P. Ghềnh Răng, TP Quy Nhơn	1,387.90	178.05	1,209.85	27 (lô góc)	A2	số 6	15,5m	115.00	115.00	2,280,000	0.00	3,000,000	262,200,000	
						33d	A1	D2	12m	194.30	63.05	1,500,000	131.25	2,000,000	357,075,000	
Tổng cộng										630.00					1,260,675,000	

(Signature)